| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**<br>TỈNH QUẢNG NINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2019/KDTM-ST
Ngày 21-02-2019
*V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H TỈNH QUẢNG NINH**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Tâm

*Các hội thẩm nhân dân:* 1./ Ông Nguyễn Đăng Cường

2./ Bà Hồ Thị Lan

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn MThương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2018/TLST-KDTM ngày 10 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-ST ngày 09/01/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-KDTM ngày 25/01/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: **Ngân hàng thương mại TNHH MTV D**.

Địa chỉ: Số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận H1, Tp Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Vũ Hồng M- Phó phụ trách phòng kinh doanh Ngân hàng thương mại TNHH MTV D - Chi nhánh Quảng Ninh (Văn bản ủy quyền số 25/2018/UQ-PGĐPT ngày 14/8/2018). Vắng mặt (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

*Bị đơn*: - Ông **Nguyễn Đức L**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 2, khu 6, phường Y, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Tổ 2, khu 6, phường Y, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người được ủy quyền của nguyên đơn - ông Vũ Hồng M trình bày:

Ngân hàng thương mại TNHH MTV D - Chi nhánh Quảng Ninh (Viết tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị L1 trước khi ký hợp đồng tín dụng số 0353/2015/QNH/HDTD ngày 07/4/2015 đã ký kết một Hợp đồng tín dụng khác để vay 1.000.000.000đ đã đến hạn, tất toán xong. Theo hợp đồng tín dụng số

0353/2015/QNH/HDTD ngày 07/4/2015, Ngân hàng đã cho ông L, bà L1 vay số tiền 1.400.000.000đ (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*); mục đích bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng; thời hạn 12 tháng kể từ ngày bên vay rút tiền lần đầu tiên theo Hợp đồng tín dụng; Tiền lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng, bắt đầu từ 25/4/2015; nợ gốc trả linh hoạt hoặc cuối kỳ. Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng đã giải ngân và ông L, bà L1 đã nhận nợ 1.400.000.000đ theo Khế ước nhận nợ số 0353/2015/QNH/KU01 ngày 07/4/2015. Lãi suất kỳ đầu tiên là 11,5%. Lãi suất đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong Hợp đồng tín dụng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông L và bà L1 thế chấp quyền sử dụng khu đất 41,8m$^2$ và toàn bộ các tài sản đã, đang và sẽ hình thành trên đất, gắn liền với đất tại tổ 39 (nay là tổ 2), khu 6, phường Y, Tp H, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N863497 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1761 QSDĐ do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 25/08/1999 mang tên Nguyễn Thị Hồng Phương (Ngày 08/9/1999 đã chuyển quyền sử dụng cho ông L, bà L1) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 162/2014/HDTC/GPB-QN ngày 22/7/2014 và Phụ lục số 01.162/2014/HDTC/GPB-QN ngày 07/4/2015.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông L và bà L1 không trả khoản nợ gốc, lãi nào cho Ngân hàng, không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận, vi phạm Hợp đồng đã ký kết mặc dù được Ngân hàng nhắc nhở hàng tháng và kể từ thời điểm tháng 4/2016, thì ông L và bà L1 đã để khoản vay quá hạn hoàn toàn, toàn bộ dư nợ của khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà L1 phải trả số tiền nợ theo Đơn khởi kiện ngày 14/8/2018 là 1.984.374.521đ (*Một tỷ chín trăm tám mươi tư triệu ba trăm bảy mươi tư nghìn năm trăm hai mốt đồng*) trong đó nợ gốc quá hạn là 1.400.000.000đ; lãi quá hạn là 5.758.479đ; lãi chậm trả là 578.616.042đ; Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm khởi kiện, yêu cầu ông L, bà L1 phải trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 21/02/2019 là 2.113.704.306đ (*Hai tỷ một trăm mười ba triệu bảy trăm linh bốn nghìn ba trăm linh sáu đồng*), trong đó tiền gốc quá hạn: 1.400.000.000đ, lãi trong hạn: 422.122.368đ; lãi quá hạn: 237.915.272đ và toàn bộ tiền lãi quá hạn của nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 22/02/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông L, bà L1 không thanh toán được các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 có lời khai ngày 02/11/2018 xác nhận: Ngày 07/4/2015 bà và ông Nguyễn Đức L đã ký hợp đồng tín dụng số

0353/2015/QNH/HDTD với Ngân hàng thương mại TNHH MTV D - Chi nhánh Quảng Ninh để vay 1.400.000.0000đ, cũng trong ngày đó ông bà đã nhận giải ngân số tiền 1.400.000.000đ. Sau khi vay vốn, do điều kiện làm ăn khó khăn nên bà và ông L không có điều kiện trả nợ, dẫn đến khoản nợ bị quá hạn. Số tiền gốc và lãi tính Ngân hàng đã tính đúng và đủ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay vẫn do vợ chồng bà sử dụng và giữ nguyên hiện trạng như thời điểm thế chấp.

Biên bản xác minh ngày 16/11/2018, Công an phường Y - Tp H cung cấp thông tin: ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị L1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, khu 6, phường Y, Tp H, tỉnh Quảng Ninh; mấy ngày nay ông L có mặt ở nhà còn thông thường ông L đi vắng và không khai báo tạm vắng với Công an phường. Biên bản về việc bị đơn vắng mặt và Biên bản lấy lời khai của bà L1 thể hiện: sau khi nhận được Giấy triệu tập bà đã gọi điện thông báo cho ông L biết thời gian Tòa án triệu tập đến giải quyết vụ án nhưng hiện tại ông L đi làm ở miền Trung, không thể có mặt tại Tòa án để đưa ra quan điểm; Bản thân bà L1 sau đó cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập.

Bị đơn ông Nguyễn Đức L, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã triệu tập, thông báo văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông L không đến Tòa án, không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Bà L1 cũng không hợp tác làm việc, Tòa án đã thực hiện niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã được thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không hợp tác nhưng Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về pháp luật tố tụng: Ngân hàng thương mại TNHH MTV D khởi kiện ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị L1 trả nợ theo Hợp đồng tín dụng, các bên đều có mục đích lợi nhuận đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại tổ 2, khu 6, phường Y, thành phố H do đó việc khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Vũ Hồng M vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Đức L, bà Nguyễn Thị L1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Dó đó, việc xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự không ảnh hưởng đến tính khách quan khi giải quyết vụ án.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Việc ký kết các hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số 0353/2015/QNH/HDTD ngày 07/4/2015; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 162/2014/HDTC/GPB-QN ngày 22/7/2014 và Phụ lục số 01.162/2014/HDTC/GPB-QN ngày 07/4/2015 giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị L1 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được đăng ký thế chấp tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Việc giao kết các hợp đồng là sự thỏa thuận tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không bị pháp luật ngăn cấm, có chứng thực của Phòng công chứng, đã phát sinh hiệu lực. Tại thời điểm ký kết các hợp đồng ông L, bà L1 có đầy đủ các quyền về tài sản được pháp luật công nhận, không bị lừa dối, vì vậy các đương sự phải chịu trách nhiệm về nội dung hợp đồng đã ký.

[3.2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TM TNHH MTV D: buộc ông L, bà L1 phải trả Ngân hàng số nợ tạm tính đến ngày 21/02/2019 là 2.113.704.306đ ((*Hai tỷ một trăm mười ba triệu bảy trăm linh bốn nghìn ba trăm linh sáu đồng*); trong đó gốc quá hạn: 1.400.000.000đ, lãi trong hạn: 422.122.368đ; lãi quá hạn: 237.915.272đ đồng thời buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 22/02/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết; Trường hợp ông L, bà L1 không thanh toán được các khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ, thì thấy:

Theo hợp đồng tín dụng số 0353/2015/QNH/HDTD ngày 07/4/2015 và Khế ước nhận nợ số 0353/2015/QNH/KU01 ngày 07/4/2015 thì thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 07/4/2015 đến ngày 07/4/2016. Như vậy, khoản vay của ông L, bà L1 đã đến hạn trả hết toàn bộ khoản vay ông L, bà L1 không trả nợ gốc, lãi đầy đủ và đúng hạn theo cam kết trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nên Ngân hàng có quyền khởi kiện.

Đối chiếu với lãi suất cho vay kỳ đầu tiên là 11,5%/năm, lãi suất đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong Hợp đồng tín dụng thì thấy Ngân hàng đã tính đúng, tính đủ lãi suất do các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Do

đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận, đồng thời buộc bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 22/02/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết; đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ nhưng ông L, bà L1 không thanh toán các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì quyền sử dụng đất và các tài sản trên thửa đất sẽ đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp đã thỏa thuận; việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện theo quy định pháp luật.

[4]. Về tài sản thế chấp: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định hiện trạng thửa đất của ông L, bà L1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tuy nhiên ông L, bà L1 không hợp tác, cản trở Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Vì vậy, Tòa án cùng đại diện UBND phường Y, Tp H tiến hành quan sát, đánh giá theo quy định pháp luật.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 30; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi hiện của Ngân hàng thương mại TNHH MTV D đối với ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị L1.

Buộc ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị L1 phải L1 đới trả cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV D tổng số tiền tính đến hết ngày 21/02/2019 là 2.113.704.306đ (*Hai tỷ một trăm mười ba triệu bảy trăm linh bốn nghìn ba trăm linh sáu đồng*); trong đó gốc quá hạn: 1.400.000.000đ, lãi trong hạn: 422.122.368đ; lãi quá hạn: 237.915.272đ và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 22/02/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0353/2015/QNH/HDTD ngày 07/4/2015 và Khế ước nhận nợ số 0353/2015/QNH/KU01 ngày 07/4/2015 giữa Ngân hàng thương mại TNHH MTV D - Chi nhánh Quảng Ninh với ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị L1.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị L1 không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng thương mại TNHH MTV D có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành

án dân sự xử lý tài sản đảm bảo (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại tổ 39 (nay là tổ 2), khu 6, phường Y, Tp H, tỉnh Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N863497 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1761 QSDĐ do UBND tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 25/08/1999 mang tên Nguyễn Thị Hồng Phương) theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 162/2014/HDTC/GPB-QN ngày 22/7/2014 và Phụ lục số 01.162/2014/HDTC/GPB-QN ngày 07/4/2015 giữa Ngân hàng thương mại TNHH MTV D - Chi nhánh Quảng Ninh với ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị L1 để thu hồi nợ.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức L và bà Nguyễn Thị L1 phải L1 đới chịu 74.274.000đ (*Bảy mươi tư triệu hai trăm bảy mươi tư nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; Trả lại cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV D số tiền 36.073.000đ (*Ba mươi sáu triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp ngày 10/10/2018 theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000301 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn báo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện và cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thanh Tâm**

**Nơi nhận:**
- *Đương sự;*
- *VKSND Tp H;*
- *Chi cục THADS Tp H;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu.*